

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6557 /BGDDĐT-KHTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2026

V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư quy định
tiêu chuẩn định mức diện tích công trình sự
nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng sư phạm.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (điểm a khoản 2 Điều 12); Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (sau đây gọi là dự thảo Thông tư).

Để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng kính đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến góp ý đối với dự thảo Thông tư nêu trên (dự thảo Thông tư và tài liệu liên quan gửi kèm theo Công văn này, đồng thời được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ moet.gov.vn).

Văn bản góp ý của Quý Cơ quan xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính), số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, thành phố Hà Nội trước ngày 10/10/2026 để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng; đồng thời gửi bản mềm về hòm thư điện tử: dtkhanh@moet.gov.vn.

Tài liệu gửi kèm:

(1) Báo cáo thuyết minh, giải trình nội dung dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT. (2) Dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT. (3) Dự thảo Tờ trình Bộ trưởng ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để ph/h);
- Công TTĐT Bộ GDĐT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTC (Khanh).



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO THUYẾT MINH, GIẢI TRÌNH

Nội dung Dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT)

(Kèm theo Công văn số 6557/BGDĐT-KHTC ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo xin ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm)

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đến nay, Thông tư đã thực hiện gần 06 năm và bộc lộ một số nội dung không còn phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

Ngày 16/6/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017. Điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP giao: “Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo”. Đồng thời, điểm a khoản 2 Điều 12 ấn định thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực để Bộ trưởng ban hành quy định chi tiết hướng dẫn.

Hiện nay, Bộ Tài chính đang chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP; dự thảo đã được Bộ Tư pháp thẩm định và lấy ý kiến thành viên Chính phủ, đang hoàn thiện để trình ban hành. Do nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo đang được sửa đổi tại dự thảo này, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục cập nhật dự thảo Thông tư cho đồng bộ trước khi trình ban hành chính thức. Vì vậy, thời hạn ban hành Thông tư không còn bị ràng buộc bởi giới hạn 12 tháng của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (điểm a khoản 2 Điều 12), mà gắn với tiến độ ban hành Nghị định sửa đổi nêu trên, bảo đảm tính thống nhất và bền vững của Thông tư, tránh việc phải sửa đổi ngay sau khi ban hành.

2. Cơ sở thực tiễn

- Theo phân loại 4 nhóm diện tích tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, "diện tích chuyên dùng" và "diện tích công trình sự nghiệp" là hai loại riêng biệt — khác với cách gọi chung "diện tích chuyên dùng" tại Thông tư số 03/2020/TT-

BGDĐT (xây dựng trên cơ sở Nghị định số 152/2017/NĐ-CP trước đây). Do đó, Thông tư thay thế cần điều chỉnh lại thuật ngữ để thống nhất với cách phân loại hiện hành.

- Nghị định số 155/2025/NĐ-CP bổ sung các cơ chế mới (diện tích sử dụng chung có trần theo tỷ lệ phần trăm, phân cấp thẩm quyền theo 03 nhóm chủ thể quản lý, nguyên tắc xử lý khi một cá nhân giữ nhiều chức danh...) mà Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT chưa có cơ chế hướng dẫn tương ứng.

- Thực tiễn đào tạo phát sinh nhu cầu bổ sung hệ số K cho 04 lĩnh vực đào tạo mới hình thành: Trí tuệ nhân tạo/Khoa học dữ liệu/An ninh mạng; Bán dẫn/Vi mạch/Thiết kế chip; Năng lượng tái tạo; Logistics và chuỗi cung ứng.

- Mô hình quản trị đại học đã thay đổi: Hội đồng trường/Hội đồng đại học công lập kết thúc hoạt động từ 01/01/2026 theo Điều 46 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15, cần cập nhật lại chủ thể có thẩm quyền quyết định mức tại cơ sở tự chủ.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở hệ thống 07 văn bản căn cứ pháp lý, từ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (sửa đổi, bổ sung) đến Nghị định số 279/2026/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (điểm a khoản 2 Điều 12) là căn cứ trực tiếp, chính, giao thẩm quyền ban hành Thông tư (chi tiết từng văn bản, số hiệu, ngày ban hành và vai trò căn cứ — xem Phụ lục A kèm theo).

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư gồm 08 Điều và 01 Phụ lục.

Dự thảo Thông tư kế thừa cấu trúc và công thức tính diện tích ($S = A \times K$, hằng số 2.160 tiết/năm) đã ổn định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT, đồng thời bổ sung 01 Điều hoàn toàn mới về diện tích sử dụng chung (Điều 5); cập nhật thẩm quyền theo mô hình quản trị mới, thay khái niệm “Hội đồng trường” bằng “Hiệu trưởng/Giám đốc đại học” (Điều 6); và bổ sung quy định xử lý chuyển tiếp (Điều 7). Phụ lục kèm theo Thông tư quy định hệ số K, kế thừa 24/28 hệ số hiện hành và bổ sung 04 hệ số K mới cho các lĩnh vực đào tạo mới hình thành (nội dung chi tiết từng Điều — xem Phụ lục B kèm theo).

IV. GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI TRỌNG TÂM

So với Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT, dự thảo Thông tư có 14 nhóm nội dung sửa đổi, bổ sung trọng tâm, bám sát các quy định mới tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định này.

Các nội dung gồm:

1. Thống nhất dùng “diện tích công trình sự nghiệp” thay cho cách gọi “diện tích chuyên dùng” trước đây;
2. Quy định diện tích sử dụng chung thành 01 Điều riêng gồm 7 nhóm hạng mục và mức trần dẫn chiếu Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;
3. Giữ nguyên mức diện tích làm việc giảng viên 18/15/10/10 m²/người, bổ sung cơ chế cộng thêm không quá 15% cho Giáo sư/Phó giáo sư;
4. Bổ sung hệ số K cho 04 lĩnh vực đào tạo mới (Trí tuệ nhân tạo/Khoa học dữ liệu/An ninh mạng: 6,0 m²; Bán dẫn/Vi mạch/Thiết kế chip: 8,0 m²; Năng lượng tái tạo: 6,0 m²; Logistics và chuỗi cung ứng: 4,0 m²);
5. Bổ sung, xác định rõ 03 nhóm chủ thể có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích theo Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (bộ, cơ quan trung ương; địa phương; cơ sở đào tạo tự chủ tài chính), thay cho cách phân loại 02 nhóm trước đây tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT;
6. Giữ nguyên định mức trạm y tế (300 m²) và ký túc xá (4,0 m²/chỗ) như quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT;
7. Quy định thời hạn rà soát các quy định định mức cũ là 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực - thời hạn này thống nhất với thời hạn rà soát tại khoản 1 Điều 3a dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (bảng đối chiếu chi tiết từng nội dung theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT với Nghị định số 155/2025/NĐ-CP - Dự thảo Thông tư mới, kèm nguồn dẫn chiếu — xem Phụ lục C kèm theo).

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Dự thảo Thông tư là văn bản quy định chi tiết thi hành điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, do Bộ trưởng ban hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 45 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật này; không thuộc trường hợp phải thực hiện quy trình xây dựng chính sách và đánh giá tác động của chính sách theo Điều 27, Điều 29 Luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) — hai điều này chỉ áp dụng đối với dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, không áp dụng đối với thông tư của Bộ trưởng. Nội dung dưới đây giải trình các tác động thực tiễn của việc ban hành Thông tư:

- Việc ban hành Thông tư không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không tăng biên chế và không phát sinh thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân bên

ngoài cơ quan nhà nước; việc thực hiện được bảo đảm bằng bộ máy, nguồn nhân lực hiện có.

- Về bổ sung các nội dung định mức (hệ số K cho 04 lĩnh vực đào tạo mới; cộng thêm không quá 15% diện tích làm việc cho Giáo sư, Phó giáo sư) chỉ áp dụng cho dự án đầu tư mới, cải tạo, mở rộng phát sinh sau ngày Thông tư có hiệu lực, không áp dụng đối với công trình đã xây dựng và đưa vào sử dụng theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT (phù hợp khoản 2 Điều 14 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP), do đó không gây tác động đến ngân sách nhà nước.

- Tác động quan trọng nhất gắn với công tác quản lý, sử dụng tài sản công trong bối cảnh sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập: nếu chậm quy định tiêu chuẩn, định mức diện tích khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể cơ sở đào tạo, sẽ tiềm ẩn nguy cơ sử dụng trụ sở không đúng tiêu chuẩn, dễ trống, sai mục đích hoặc thất thoát, lãng phí tài sản công. Để phòng ngừa, Dự thảo Thông tư bổ sung quy định xử lý chuyển tiếp tại Điều 7, cụ thể hóa nguyên tắc tại Điều 3a dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (phần diện tích vượt tiêu chuẩn phải được giao, điều chuyển phù hợp nhu cầu sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả), khoản 2 và khoản 3 Điều 14 (định mức cũ tiếp tục áp dụng đến khi có định mức mới; xử lý chuyển tiếp phát sinh trước hiệu lực Nghị định) của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP. Quy định này giúp cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý có căn cứ thống nhất để xác định lại định mức phù hợp sau sắp xếp, xử lý kịp thời phần diện tích dôi dư, hạn chế rủi ro thất thoát, lãng phí tài sản công, đồng thời bảo đảm đồng bộ với Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

VI. KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm nghiên cứu toàn văn Dự thảo Thông tư và các Phụ lục A, B, C kèm theo, có ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng ban hành./.

PHỤ LỤC A
CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG THÔNG TƯ

STT	Văn bản	Số hiệu, ngày ban hành	Vai trò căn cứ
1	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	Số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025	Căn cứ gốc về quản lý, sử dụng tài sản công
2	Luật Giáo dục	Số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019; sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Xác định đối tượng, hệ thống giáo dục quốc dân
3	Luật Giáo dục đại học	Số 125/2025/QH15 ngày 10/12/2025	Căn cứ mô hình quản trị (Hiệu trưởng/Giám đốc đại học thay Hội đồng trường)
4	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025	Trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo
5	Nghị định số 155/2025/NĐ-CP	Ngày 16/6/2025, hiệu lực 01/7/2025	Căn cứ trực tiếp, chính, giao thẩm quyền tại điểm a khoản 2 Điều 12
6	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (bản sau thẩm định)	Chưa có số, ngày chính thức	Căn cứ bổ sung cho các nội dung đã qua thẩm định Bộ Tư pháp
7	Nghị định số 279/2026/NĐ-CP	Này 12/7/2026	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức Bộ GDĐT

PHỤ LỤC B

BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO THÔNG TƯ

Điều	Tên Điều	Nội dung chính	Tính chất
Điều 1	Phạm vi điều chỉnh	Phạm vi (3 nhóm a,b,c) và đối tượng áp dụng	Kế thừa cấu trúc gộp của TT03/2020; cụ thể hóa căn cứ giao quyền tại điểm a khoản 2 Điều 12, khoản 2 Điều 9 NĐ155
Điều 2	Giải thích từ ngữ	6 khoản: công trình sự nghiệp, diện tích làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích sàn thông thủy, quy mô quy đổi, hệ số K	Điểm mới: sửa đúng thuật ngữ; bổ sung “khu mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành”; mở rộng danh mục loại trừ khi tính diện tích thông thủy
Điều 3	Căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức	7 khoản	Điểm mới: khoản 4, 5 (vị trí việc làm, hợp đồng lao động) và khoản 7 (nhiều cơ sở/phân hiệu)
Điều 4	Tiêu chuẩn, định mức, phương pháp tính	15 khoản (hội trường, giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, thư viện, ký túc xá, thể chất, làm việc giảng viên, phòng chờ, dịch vụ tổng hợp, trạm y tế, nhà để xe, nhà vệ sinh)	Kế thừa công thức $S = A \times K$, hằng số 2.160 tiết/năm; cụ thể hóa/bổ sung theo NĐ155
Điều 5	Diện tích sử dụng chung	3 khoản: danh mục 7 nhóm; trần tối đa dẫn chiếu NĐ155; cơ chế xử lý khi phân bổ dưới mức tối thiểu TCVN	Điều hoàn toàn mới
Điều 6	Tổ chức thực hiện	4 khoản: thẩm quyền (03 nhóm); trách nhiệm rà soát (06 tháng); công khai; báo cáo, kiểm tra, thanh tra	Cụ thể hóa Điều 11, Điều 12 NĐ155; thay “Hội đồng trường” bằng “Hiệu trưởng/Giám đốc Đại học”
Điều 7	Xử lý chuyển tiếp	4 khoản: dự án đầu tư; tiêu chuẩn theo TT03/2020 cũ; diện tích vượt/trong định mức; sáp nhập/hợp nhất/chia tách	Điểm mới

Điều	Tên Điều	Nội dung chính	Tính chất
Điều 8	Hiệu lực và trách nhiệm thi hành	Hiệu lực; thay thế TT03/2020 (trừ trường hợp chuyển tiếp); dẫn chiếu động; trách nhiệm thi hành	Theo kỹ thuật lập pháp NĐ 30/2020/NĐ-CP
Phụ lục	Định mức diện tích (hệ số K)	28 lĩnh vực đào tạo (24 kế thừa + 04 mới)	Kế thừa 24/28 hệ số K; bổ sung 04 hệ số K mới

PHỤ LỤC C
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI TRỌNG TÂM

STT	Nội dung	TT03/2020	NĐ155/2025 (và dự thảo NĐ sửa đổi)	Dự thảo Thông tư mới	Vị trí quy định tại Dự thảo Thông tư
1	Tên gọi loại diện tích	“Diện tích chuyên dùng”	Điều 8, Điều 11 khoản 1 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP	Thống nhất dùng “diện tích công trình sự nghiệp”	Điều 1 khoản 1; Điều 2 khoản 1
2	Diện tích sử dụng chung	Không quy định	Điều 6 dự thảo Nghị định sửa đổi	Điều 5 Dự thảo TT: 7 nhóm; trần dẫn chiếu Điều 6 dự thảo NĐ sửa đổi	Điều 5
3	Diện tích làm việc GS/PGS/GVC/GV	18/15/10/10 m ² /người	Điều 9 khoản 1 NĐ155 (chung); Điều 8 dự thảo NĐ sửa đổi (cộng thêm ≤15% GS/PGS)	Giữ nguyên 18/15/10/10 m ² /người; bổ sung cộng thêm ≤15% cho GS/PGS	Điều 4 khoản 9
4	Kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành	Chưa quy định	Điều 9 dự thảo Nghị định sửa đổi	Bổ sung vào Điều 2 khoản 1, Điều 4 khoản 5	Điều 2 khoản 1; Điều 4 khoản 5
5	Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu đặc thù (phòng sạch, hệ thống khí sạch...)	Chưa quy định	Không quy định trực tiếp (nội dung kỹ thuật do Thông tư quy định)	Diện tích xác định theo dự án đầu tư/thiết kế kỹ thuật được duyệt; không bị ràng buộc bởi hệ số K	Điều 4 khoản 5 điểm d
6	Nhiều cơ sở, phân hiệu	Chưa quy định	Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi	Bổ sung khoản 7 Điều 3 Dự thảo TT — dẫn chiếu thuần túy	Điều 3 khoản 7
7	Loại trừ khi tính diện tích thông thủy	Không tính hành lang, cầu thang, sảnh, ban công, chân tường, cột, hộp kỹ thuật	Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi	Bổ sung thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, công trình/vật kiến trúc gắn liền với đất không phải là nhà	Điều 2 khoản 4
8	Thẩm quyền ban hành định mức	2 nhóm	Điều 9 dự thảo Nghị định sửa đổi	3 nhóm chủ thể (bộ/TW; địa phương; tự chủ)	Điều 6 khoản 1
9	Hội đồng trường	Không đề cập	Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 Điều 46 khoản 1	Không dùng khái niệm “Hội đồng trường”; thẩm quyền thuộc Hiệu trưởng/Giám đốc đại học	Điều 6 khoản 1 điểm c

STT	Nội dung	TT03/2020	NĐ155/2025 (và dự thảo NĐ sửa đổi)	Dự thảo Thông tư mới	Vị trí quy định tại Dự thảo Thông tư
10	Thời hạn rà soát quyết định cũ ban hành theo TT03/2020	Không quy định	Điểm c khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định sửa đổi (nghĩa vụ rà soát nói chung, không nêu thời hạn cụ thể)	06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực (thời hạn do Bộ GDĐT chủ động lựa chọn để thống nhất với thời hạn rà soát tại khoản 1 Điều 3a dự thảo Nghị định sửa đổi, không phải nghĩa vụ bắt buộc trực tiếp theo Nghị định số 155/2025/NĐ- CP đối với riêng lĩnh vực giáo dục và đào tạo)	Điều 6 khoản 2
11	Nhà để xe – phương tiện điện	Chưa quy định	Chưa có QCVN chính thức	Bố trí không gian + hạ tầng trạm sạc; dẫn chiều QCVN và pháp luật PCCC hiện hành	Điều 4 khoản 13
12	Nhà vệ sinh	Quy định chi tiết tỷ lệ thiết bị theo giới tính	Không quy định trực tiếp (nội dung do Thông tư quy định chi tiết)	Giữ nguyên chi tiết như TT03/2020 (2 nhóm: khối hành chính — tính vào diện tích sử dụng chung; khối phục vụ HSSV/KTX — tính vào diện tích công trình sự nghiệp tương ứng)	Điều 4 khoản 14
13	Trạm y tế	300 m ² , danh mục phòng cụ thể	Không có yêu cầu phối hợp Bộ Y tế	Giữ 300 m ² ; dẫn chiều pháp luật khám bệnh, chữa bệnh và QCVN y tế hiện hành	Điều 4 khoản 12
14	Thư viện — bỏ dẫn chiều số hiệu Thông tư 14/2023/TT- BGDĐT	Không áp dụng (TT03/2020 không dẫn chiều TT14/2023)	Không quy định	Bỏ số hiệu cụ thể; dẫn chiều chung “quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học” (tránh dẫn chiều văn bản có thể thay đổi số hiệu)	Điều 4 khoản 6
15	Hệ số K lĩnh vực đào tạo mới	24 lĩnh vực	Không quy định (thẩm quyền Bộ GDĐT)	Bổ sung 4 lĩnh vực: AI/KHDL/An ninh mạng (6,0 m ²); Bán dẫn/Vi mạch/Thiết kế chip (8,0 m ²); Năng lượng tái tạo (6,0 m ²); Logistics (4,0 m ²)	Điều 4 khoản 15; Phụ lục mục 5.10, 5.11, 5.19, 5.20

STT	Nội dung	TT03/2020	NĐ155/2025 (và dự thảo NĐ sửa đổi)	Dự thảo Thông tư mới	Vị trí quy định tại Dự thảo Thông tư
16	Ký túc xá	4,0 m ² /chỗ	Không quy định trực tiếp (thẩm quyền quy định mức cụ thể thuộc Thông tư theo khoản 2 Điều 9 NĐ155)	Giữ nguyên 4,0 m ² /chỗ	Điều 4 khoản 7; Phụ lục mục 7
17	Ký túc xá — bổ sung phòng sinh hoạt cộng đồng, phòng tự học	Chưa quy định	Không quy định	Bổ sung tối đa 0,5 m ² /HSSV nội trú cho mỗi loại phòng; không tính vào diện tích SKTX, không tính vào trần diện tích sử dụng chung	Điều 4 khoản 7
18	Xử lý chuyển tiếp	Không quy định	Khoản 1 Điều 3a, Điều 3b, khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định sửa đổi	Quy định mới hoàn toàn, gồm 4 nhóm: (i) dự án đã/chưa được quyết định đầu tư; (ii) định mức đã ban hành theo TT03/2020 tiếp tục hiệu lực đến kỳ rà soát; (iii) diện tích đang quản lý trong/vượt định mức; (iv) sáp nhập, hợp nhất, chia tách cơ sở đào tạo	Điều 7 (khoản 1 đến khoản 4)

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG ĐIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017; đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (khoản 2 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP), làm căn cứ để lập kế hoạch, dự toán ngân sách, giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của giảng viên và người lao động trong cơ sở đào tạo;
- b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích sử dụng chung trong cơ sở đào tạo;
- c) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích các hạng mục công trình sự nghiệp phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục hỗ trợ khác.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở đào tạo sau đây trong hệ thống giáo dục quốc dân:

- a) Đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ;
- b) Trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm;
- c) Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo là toàn bộ hạng mục công trình xây dựng trong khuôn viên cơ sở đào tạo được xây dựng, trang bị và sử dụng để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, học tập, thực hành, nghiên cứu khoa học và các hoạt động giáo dục hỗ trợ khác, bao gồm: phòng học, giảng đường; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành; thư viện, trung tâm học liệu; phòng làm việc của giảng viên và người lao động; khu hoạt động thể chất; ký túc xá; khu dịch vụ tổng hợp;

trạm y tế; nhà để xe; phòng chờ cho giảng viên và các hạng mục phục vụ đào tạo khác theo quy định tại Thông tư này.

2. Diện tích làm việc của giảng viên và người lao động là diện tích được bố trí để giảng viên, người lao động trong cơ sở đào tạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp, phân biệt với diện tích sử dụng chung và diện tích các hạng mục công trình sự nghiệp phục vụ đào tạo trực tiếp.

3. Diện tích sử dụng chung là diện tích phục vụ hoạt động hành chính, quản trị và sinh hoạt tập thể trong cơ sở đào tạo, bao gồm: phòng họp, phòng tiếp khách, phòng văn thư, phòng lưu trữ, phòng hành chính, phòng ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, phòng bảo vệ, khu vệ sinh phục vụ khối hành chính và các diện tích phục vụ chung khác theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

4. Diện tích sàn tính theo kích thước thông thủy là diện tích được xác định theo kích thước thông thủy bên trong của công trình, không bao gồm: diện tích hành lang, cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, sảnh, ban công, chân tường, cột, tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật bên trong phòng và diện tích của các công trình, vật kiến trúc khác gắn liền với đất (không phải là nhà).

5. Quy mô học sinh, sinh viên, giảng viên quy đổi là số người học, giảng viên được quy đổi theo hệ số quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học, làm cơ sở xác định tiêu chuẩn, định mức diện tích của cơ sở đào tạo.

6. Hệ số K là định mức diện tích tính trên 01 chỗ học, 01 người hoặc đơn vị tính khác tương ứng với từng hạng mục công trình, đơn vị tính là mét vuông (m^2), được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức diện tích

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp được xác định dựa trên các căn cứ sau đây:

1. Quy mô học sinh, sinh viên, giảng viên quy đổi theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo.

2. Chuyên ngành đào tạo ổn định theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo.

3. Yêu cầu đào tạo của các chuyên ngành để xác định số lượng các hạng mục công trình sự nghiệp cần thiết.

4. Số lượng vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc được xác định theo đề án vị trí việc làm của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Số lượng người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định.

6. Trường hợp một cá nhân đảm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ trong cơ sở đào tạo, áp dụng tiêu chuẩn diện tích của chức danh, chức vụ có định mức cao nhất; không cộng dồn các định mức.

7. Trường hợp cơ sở đào tạo có nhiều cơ sở, phân hiệu, việc xác định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức, phương pháp tính toán xác định diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

1. Hội trường từ 250 chỗ ngồi trở lên

Diện tích công trình sự nghiệp của hội trường được xác định như sau:

$$SHT = A \times K$$

Trong đó: SHT là tổng diện tích của hội trường từ 250 chỗ ngồi trở lên, đơn vị tính là mét vuông (m²);

A là số chỗ ngồi;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

Diện tích SHT không bao gồm diện tích lối đi, sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng dụng cụ, phòng vệ sinh và các phòng phụ trợ khác.

2. Giảng đường có quy mô từ 200 chỗ ngồi trở lên

Diện tích công trình sự nghiệp của giảng đường có quy mô từ 200 chỗ ngồi trở lên được xác định như sau:

$$SGĐ = A \times K$$

Trong đó: SGĐ là tổng diện tích của giảng đường có quy mô từ 200 chỗ ngồi trở lên, đơn vị tính là m²;

A là số chỗ của giảng đường;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

Diện tích SGD không bao gồm diện tích lối đi, phòng chuẩn bị và các phòng phụ trợ khác.

3. Giảng đường có quy mô từ 100 chỗ ngồi đến dưới 200 chỗ ngồi

Diện tích công trình sự nghiệp của giảng đường có quy mô từ 100 chỗ ngồi đến dưới 200 chỗ ngồi được xác định như sau:

$$SGD1 = A \times K$$

Trong đó: SGD1 là tổng diện tích của giảng đường có quy mô từ 100 chỗ ngồi đến dưới 200 chỗ ngồi, đơn vị tính là m²;

A là số chỗ của giảng đường;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

Diện tích SGD1 đã bao gồm lối đi và bàn viết; không bao gồm diện tích phòng chuẩn bị và các phòng phụ trợ khác.

4. Phòng học thông thường dưới 100 chỗ ngồi

a) Bảo đảm số phòng học đáp ứng quy mô đào tạo của cơ sở đào tạo;

b) Diện tích công trình sự nghiệp của các phòng học thông thường dưới 100 chỗ ngồi được xác định như sau:

$$SPH = SCN1 + SCN2 + \dots + SCNn$$

Trong đó: SPH là tổng diện tích của các phòng học thông thường dưới 100 chỗ, đơn vị tính là m²;

SCN1, SCN2,..., SCNn là diện tích phòng học của từng chuyên ngành đào tạo thứ 1, 2,..., n (với n là tổng số chuyên ngành đào tạo), được xác định như sau:

$$SCNj = [(A1 \times T1 + A2 \times T2 + \dots + Ai \times Ti) / 2.160] \times K$$

Trong đó: j là số thứ tự chuyên ngành đào tạo (j = 1, 2,..., n);

i là số thứ tự năm học của học sinh, sinh viên trong chuyên ngành thứ j;

Ai là tổng số học sinh, sinh viên năm thứ i của chuyên ngành thứ j;

Ti là tổng số tiết học lý thuyết của 01 học sinh, sinh viên trong năm thứ i của chuyên ngành thứ j;

2.160 là số tiết học tối đa trong một năm học mà 01 chỗ học có thể đạt được, tính trên cơ sở chương trình học 1 năm gồm 2 học kỳ, mỗi học kỳ 15 tuần, mỗi tuần học 6 ngày và mỗi ngày học tối đa 12 tiết;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

5. Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành

a) Bảo đảm số phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành đáp ứng quy mô, chuyên ngành đào tạo của cơ sở đào tạo;

b) Diện tích công trình sự nghiệp của phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành được xác định như sau:

$$STH = STH1 + STH2 + \dots + STHn$$

Trong đó: STH là tổng diện tích phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành, đơn vị tính là m²;

STH1, STH2,..., STHn là diện tích của từng loại phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành thứ 1, 2,..., n (với n là tổng số loại phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành), được xác định như sau:

$$STHj = [(A1 \times T1 + A2 \times T2 + \dots + Ai \times Ti) / 2.160] \times K$$

Trong đó: j là số thứ tự loại phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành (j = 1, 2,..., n);

i là số thứ tự năm học của học sinh, sinh viên trong một chuyên ngành sử dụng loại phòng thứ j;

Ai là tổng số học sinh, sinh viên năm thứ i sử dụng loại phòng thứ j;

Ti là tổng số tiết học của 01 học sinh, sinh viên trong năm thứ i sử dụng loại phòng thứ j;

2.160 là số tiết học tối đa trong một năm học mà 01 chỗ học có thể đạt được, tính toán như tại khoản 4 Điều này;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

c) Diện tích STH không bao gồm diện tích phòng chuẩn bị và các diện tích phụ trợ khác.

d) Đối với phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu chuyên sâu có yêu cầu kỹ thuật đặc thù (phòng sạch, hệ thống khí sạch, môi trường kiểm soát đặc biệt và các yêu cầu tương tự), định mức diện tích được xác định căn cứ theo dự án đầu tư

xây dựng hoặc thiết kế kỹ thuật chuyên ngành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không bị ràng buộc bởi hệ số K quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

6. Thư viện

Diện tích công trình sự nghiệp của thư viện, trung tâm học liệu được xác định như sau:

$$STV = A \times K$$

Trong đó: STV là tổng diện tích của thư viện, trung tâm học liệu, đơn vị tính là m²;

A là số chỗ ngồi phục vụ người sử dụng thư viện, xác định tối thiểu bằng 25% tổng số học sinh, sinh viên và giảng viên quy đổi của cơ sở đào tạo (định mức phục vụ để lập dự án đầu tư xây dựng công trình thư viện);

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

Diện tích STV đã bao gồm lối đi, tủ mục lục, quầy cho mượn và không gian tra cứu tài nguyên số; không bao gồm diện tích kho sách, phòng máy chủ tài nguyên số và các phòng chức năng khác của trung tâm học liệu.

Diện tích không gian học tập nhóm và phòng/khu tài nguyên số, máy chủ trong thư viện, trung tâm học liệu được xác định theo nhu cầu thực tế và quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, không tính vào diện tích STV. Tiêu chuẩn tối thiểu về số chỗ ngồi, cơ sở vật chất và hoạt động thư viện đại học thực hiện theo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học.

7. Ký túc xá

Diện tích công trình sự nghiệp của ký túc xá được xác định như sau:

$$SKTX = A \times K$$

Trong đó: SKTX là tổng diện tích của ký túc xá, đơn vị tính là m²;

A là số học sinh, sinh viên có nhu cầu ở nội trú;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m².

Diện tích SKTX không bao gồm diện tích nhà vệ sinh, phòng phục vụ công cộng, bếp và các phòng phụ trợ khác.

Ngoài diện tích SKTX, cơ sở đào tạo được bố trí thêm: phòng sinh hoạt cộng đồng tối đa 0,5 m²/học sinh, sinh viên ở nội trú; phòng tự học trong khu ký túc xá tối đa 0,5 m²/học sinh, sinh viên ở nội trú. Diện tích này không tính vào

diện tích SKTX và không tính vào trần diện tích sử dụng chung quy định tại Điều 5 Thông tư này.

8. Khu hoạt động thể chất: Diện tích công trình sự nghiệp cho các hạng mục công trình thể thao (nhà thi đấu thể thao, nhà tập thể thao, sân tập thể thao trong nhà, sân tập thể thao ngoài trời, bể bơi) được xác định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành thể dục, thể thao và xây dựng hiện hành.

9. Diện tích làm việc của giảng viên và người lao động

a) Giảng viên giữ chức danh học thuật đồng thời đảm nhiệm chức vụ quản lý: tiêu chuẩn diện tích làm việc được xác định theo chức vụ quản lý tương đương quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP; trường hợp một người đảm nhiệm nhiều chức danh, chức vụ thì áp dụng tiêu chuẩn cao nhất, không cộng dồn các mức.

b) Giảng viên có chức danh học thuật chưa giữ chức vụ quản lý: tiêu chuẩn diện tích làm việc như sau:

- Giáo sư: 18 m²/người;
- Phó giáo sư: 15 m²/người;
- Giảng viên chính, giảng viên: 10 m²/người.

Giáo sư, Phó giáo sư được cộng thêm diện tích làm việc không quá 15% mức quy định tại điểm này theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 8 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP để phục vụ nghiên cứu tại chỗ, nếu điều kiện của cơ sở đào tạo cho phép; phần diện tích cộng thêm này chỉ áp dụng đối với cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có, không làm căn cứ lập dự án đầu tư xây dựng mới và không tính vào tổng diện tích làm việc chung của cơ sở đào tạo.

c) Cán bộ, công chức, viên chức khác (không phải giảng viên) làm việc tại cơ sở đào tạo: tiêu chuẩn diện tích làm việc áp dụng theo chức danh, chức vụ tương đương quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

d) Người lao động ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ làm việc tại cơ sở đào tạo: tiêu chuẩn diện tích làm việc áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

10. Phòng chờ cho giảng viên

- a) 20 phòng học có 01 phòng chờ cho giảng viên;

b) Diện tích công trình sự nghiệp của phòng chờ là $3 \text{ m}^2/\text{giảng viên}$, với diện tích phòng không nhỏ hơn $24 \text{ m}^2/\text{phòng}$.

11. Khu dịch vụ tổng hợp

Diện tích công trình sự nghiệp của các Khu dịch vụ tổng hợp được xác định như sau:

$$SDV = A \times K$$

Trong đó: SDV là tổng diện tích công trình sự nghiệp của khu dịch vụ tổng hợp, đơn vị tính là m^2 ;

A tối thiểu bằng 30% quy mô học sinh, sinh viên;

K là định mức diện tích, đơn vị tính là m^2 .

12. Trạm y tế: Tổng diện tích công trình sự nghiệp của Trạm y tế tối đa không quá 300 m^2 , bao gồm: Phòng trạm trưởng và y, bác sĩ trực; Phòng khám; Phòng tiêm và thủ thuật; Phòng y tá hồ sơ kiểm phát thuốc; Kho thuốc và dụng cụ; Phòng bệnh nhân; Phòng ăn cho bệnh nhân.

Tiêu chuẩn kỹ thuật y tế của trạm y tế trong cơ sở đào tạo thực hiện theo tiêu chuẩn tối thiểu quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về y tế hiện hành.

13. Nhà để xe

a) Nhà để xe bảo đảm đủ chỗ để xe cho số lượng xe của 30% đến 60% tổng số học sinh, sinh viên và từ 60% đến 90% tổng số giảng viên, cán bộ, nhân viên;

b) Tiêu chuẩn diện tích đối với phương tiện thông thường: $0,9 \text{ m}^2/\text{xe}$ đạp; $2,5 \text{ m}^2/\text{xe}$ máy; $25 \text{ m}^2/\text{ôtô}$;

Nhà để xe phải bố trí không gian cho phương tiện sử dụng năng lượng điện (xe đạp điện, xe máy điện, ô tô điện) và hạ tầng trạm sạc kèm theo; diện tích, số lượng vị trí sạc và yêu cầu về an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi đỗ xe, trạm sạc, trụ sạc xe điện và pháp luật về phòng cháy, chữa cháy hiện hành.

Bố trí khu vực để xe dành riêng cho học sinh, sinh viên khuyết tật gần lối vào, bảo đảm tiếp cận thuận tiện.

14. Nhà vệ sinh

a) Khu vệ sinh cán bộ, giảng viên, nhân viên khối hành chính: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường; bảo đảm số lượng thiết bị: đối

với nam 01 chậu tiêu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Diện tích khu vệ sinh này được tính vào diện tích sử dụng chung theo quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Khu vệ sinh học sinh, sinh viên gắn với giảng đường, phòng học, ký túc xá: bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường, bảo đảm cho học sinh, sinh viên khuyết tật tiếp cận sử dụng; bảo đảm số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh, sinh viên, có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh, sinh viên. Diện tích khu vệ sinh này được tính vào diện tích công trình sự nghiệp tương ứng.

15. Định mức diện tích (hệ số K) của các hạng mục công trình sự nghiệp quy định tại Điều này, không bao gồm khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 12 và khoản 14, được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Diện tích sử dụng chung của cơ sở đào tạo

1. Diện tích sử dụng chung của cơ sở đào tạo bao gồm:

a) Phòng họp, phòng tiếp khách nội bộ phục vụ hoạt động chung của cơ sở đào tạo;

b) Phòng văn thư, lưu trữ hành chính;

c) Phòng phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý hành chính (không bao gồm phòng máy chủ phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học);

d) Phòng bảo vệ, thường trực;

đ) Khu vệ sinh phục vụ cán bộ, giảng viên, nhân viên khối hành chính;

e) Phòng chờ cho giảng viên;

g) Các diện tích phục vụ sinh hoạt, quản lý chung khác theo chức năng, nhiệm vụ của cơ sở đào tạo.

2. Tổng diện tích sử dụng chung của cơ sở đào tạo tối đa bằng tỷ lệ phần trăm tối đa quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, tính trên tổng diện tích làm việc theo tiêu chuẩn, định

mức của giảng viên và người lao động được xác định theo khoản 9 Điều 4 Thông tư này.

3. Trường hợp diện tích phân bổ cho một hạng mục sử dụng chung thấp hơn mức tối thiểu theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về công sở cơ quan hành chính nhà nước - yêu cầu thiết kế thì áp dụng mức tối thiểu theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) đó; phần diện tích chênh lệch được cộng vào tổng diện tích sử dụng chung của cơ sở đào tạo theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 6 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thẩm quyền xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức

Căn cứ quy định tại Thông tư này và thực tiễn hoạt động đào tạo của đơn vị, tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của từng cơ sở đào tạo được xây dựng và ban hành theo thẩm quyền sau đây:

a) Đối với cơ sở đào tạo công lập thuộc bộ, cơ quan trung ương: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương trực tiếp quản lý cơ sở đào tạo quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định cho Thủ trưởng cơ sở đào tạo theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;

b) Đối với cơ sở đào tạo công lập thuộc địa phương: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định cho Thủ trưởng cơ sở đào tạo theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;

c) Đối với cơ sở đào tạo công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Hiệu trưởng hoặc Giám đốc Đại học quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị theo quy định tại điểm m khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm rà soát

Thực hiện trách nhiệm rà soát theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 10 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, trong thời

hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm rà soát toàn bộ các quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích đã ban hành trước đó:

- a) Trường hợp phù hợp với quy định tại Thông tư này: tiếp tục thực hiện;
- b) Trường hợp không phù hợp: ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Công khai tiêu chuẩn, định mức

Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của cơ sở đào tạo phải được công khai đồng thời trên:

- a) Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của bộ, cơ quan trung ương hoặc của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quản lý trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 11 và khoản 4 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 10 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;

- b) Cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

4. Báo cáo, kiểm tra, thanh tra

- a) Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tiêu chuẩn, định mức theo yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền;
- b) Bộ Giáo dục và Đào tạo, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình sự nghiệp

- a) Dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, dự án quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả đầu tư, phù hợp với mục tiêu, quy mô, tính chất của dự án và không làm phát sinh lãng phí trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP;

b) Dự án chưa được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: áp dụng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức đã được ban hành theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020: tiếp tục có hiệu lực thực hiện cho đến kỳ rà soát theo quy định tại Điều 3b dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP; trường hợp diện tích đang quản lý, sử dụng vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này thì xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Đối với diện tích công trình sự nghiệp hiện đang được quản lý, sử dụng

a) Diện tích đang quản lý, sử dụng trong phạm vi tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này: tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành;

b) Diện tích đang quản lý, sử dụng vượt tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này: việc xử lý phần diện tích trong phạm vi và phần diện tích vượt tiêu chuẩn, định mức, bao gồm cả phương án chuyển đổi công năng, thực hiện theo quy định tại Điều 3a và khoản 3 Điều 3b dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Phương án xử lý diện tích vượt tiêu chuẩn phải được cơ sở đào tạo xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 3a dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

4. Đối với trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách cơ sở đào tạo

Việc bàn giao, tiếp nhận và xử lý diện tích công trình sự nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3a dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền quản lý tài sản công.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định

mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thủ trưởng các cơ sở đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVBQPPL và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, TP;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- Như Điều 8;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Cơ sở DLQG về PL;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đoàn Trung Kiên

PHỤ LỤC
ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH (HỆ SỐ K)

(Kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Các hạng mục công trình	Hệ số K	Chú thích
1	Hội trường từ 250 chỗ trở lên		
1.1	Có bàn viết	1,8m ²	Không bao gồm lối đi, sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng dụng cụ, vệ sinh và các phòng phụ trợ khác.
1.2	Không có bàn viết	0,8m ²	Không bao gồm lối đi, sân khấu, phòng chuẩn bị, phòng dụng cụ, vệ sinh và các phòng phụ trợ khác.
2	Giảng đường quy mô từ 200 chỗ trở lên	1,1m ²	Không bao gồm lối đi, phòng chuẩn bị và các phòng phụ trợ khác.
3	Giảng đường quy mô từ 100 đến dưới 200 chỗ	1,1m ²	- Đã bao gồm lối đi và bàn viết; - Không bao gồm phòng chuẩn bị và các phòng phụ trợ khác.
4	Phòng học thông thường dưới 100 chỗ		
4.1	Phòng học từ 75 đến dưới 100 chỗ	1,3m ²	
4.2	Phòng học từ 25 đến dưới 75 chỗ	1,5m ²	
4.3	Phòng học dưới 25 chỗ	2,2m ²	
5	Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành		- Không bao gồm phòng chuẩn bị và các diện tích phụ trợ khác. - Áp dụng hệ số K theo lĩnh vực đào tạo tương ứng quy định từ mục 5.1 đến mục 5.28 dưới đây.
5.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	4,0m ²	
5.2	Lĩnh vực Nghệ thuật — Mỹ thuật	10,0m ²	
5.3	Lĩnh vực Nghệ thuật — Âm nhạc	6,0m ²	
5.4	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	4,0m ²	
5.5	Lĩnh vực Pháp luật	4,0m ²	
5.6	Lĩnh vực Khoa học sự sống	2,5m ²	
5.7	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	2,5m ²	
5.8	Lĩnh vực Toán và thống kê	4,0m ²	
5.9	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin (truyền thống)	6,0m ²	

TT	Các hạng mục công trình	Hệ số K	Chú thích
5.10	Lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo, Khoa học dữ liệu, An ninh mạng	6,0m ²	
5.11	Lĩnh vực Bán dẫn, Vi mạch, Thiết kế chip	8,0m ²	
5.12	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	4,0m ²	
5.13	Lĩnh vực Kỹ thuật	4,0m ²	
5.14	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	6,0m ²	
5.15	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng	6,0m ²	
5.16	Lĩnh vực Nông lâm nghiệp và thủy sản	10,0m ²	
5.17	Lĩnh vực Thú y	4,0m ²	
5.18	Lĩnh vực Sức khỏe	4,0m ²	
5.19	Lĩnh vực Năng lượng tái tạo	6,0m ²	
5.20	Lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng	4,0m ²	
5.21	Lĩnh vực Nhân văn	2,5m ²	
5.22	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	2,5m ²	
5.23	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	4,0m ²	
5.24	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	4,0m ²	
5.25	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	6,0m ²	
5.26	Lĩnh vực Dịch vụ vận tải	6,0m ²	
5.27	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	4,0m ²	
5.28	Lĩnh vực An ninh, quốc phòng	6,0m ²	
6	Thư viện	2,5m ²	- Đã bao gồm lối đi, tủ mục lục, quầy cho mượn và không gian tra cứu tài nguyên số; - Không bao gồm diện tích kho sách, phòng máy chủ và các phòng chức năng khác.
7	Ký túc xá	4,0 m ²	Không bao gồm nhà vệ sinh, phòng phục vụ công cộng, bếp và các phòng phụ trợ khác.
8	Khu hoạt động thể chất		Theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành cho từng môn thể thao và hạng mục công trình.
9	Khu dịch vụ tổng hợp	0,7m ²	
10	Nhà để xe		
10.1	Xe đạp	0,9m ² /xe	
10.2	Xe máy	2,5m ² /xe	
10.3	Ô tô	25m ² /xe	

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Kính trình: Bộ trưởng Hoàng Minh Sơn

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Vụ Kế hoạch – Tài chính kính trình Bộ trưởng hồ sơ dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 02 năm 2020 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Đến nay, Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT đã được thực hiện gần 6 năm và đã bộc lộ một số nội dung không còn phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

Điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP quy định: “*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo*”.

Với quy định này, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020 để phù hợp với Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 và kết quả rà soát Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020; Vụ Kế

hoạch – Tài chính đã báo cáo Bộ trưởng tại Tờ trình số 760/TTr-KHTC ngày 02/6/2026 và được Bộ trưởng đồng ý tổ chức xây dựng Thông tư thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020:

- Tên Thông tư: Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Về quy trình, thủ tục xây dựng Thông tư: Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng tại Tờ trình số 760/TTr-KHTC ngày 02/6/2026, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã có Công văn số 880/KHTC ngày 12/6/2026 gửi các đơn vị thuộc Bộ xin ý kiến về dự thảo Thông tư lần 1; đồng thời có Công văn gửi Vụ Pháp chế cho ý kiến về trình tự, thủ tục xây dựng Thông tư. Vụ Pháp chế đề nghị Vụ Kế hoạch – Tài chính tổ chức xây dựng Thông tư theo quy trình xây dựng thông thường.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước yêu cầu thực hiện văn bản quy phạm pháp luật mới (Nghị định số 155/2025/NĐ-CP) và hoàn thiện hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng đáp ứng kịp thời các yêu cầu của thực tiễn, bổ sung định mức diện tích cho các lĩnh vực đào tạo mới hình thành (Trí tuệ nhân tạo/Khoa học dữ liệu/An ninh mạng, Bán dẫn/Vi mạch/Thiết kế chip, Năng lượng tái tạo, Logistics và chuỗi cung ứng), việc xây dựng Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020) là cần thiết, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Mục đích xây dựng Thông tư

Xây dựng Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020) nhằm cập nhật việc thực hiện các quy định mới có liên quan tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, với mục đích:

- Làm căn cứ để lập kế hoạch, dự toán ngân sách, giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị theo thẩm quyền.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Thông tư

Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (thay thế Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT ngày 10/02/2020) cần được xây dựng trên cơ sở các quan điểm sau đây:

a) Bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định mới tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của

Chính phủ hết hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025) và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (bản sau thẩm định).

b) Nội dung Thông tư chỉ dẫn chiếu, không diễn giải lại các quy định đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP; những nội dung Nghị định chưa quy định thì kế thừa tiêu chuẩn kỹ thuật của Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT, bảo đảm tính khả thi và ổn định lâu dài, không gây xáo trộn không cần thiết, ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thực hiện.

c) Bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; phù hợp với quy định về phân cấp, phân quyền tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO THÔNG TƯ

Dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được xây dựng, ban hành theo quy trình xây dựng thông thường.

1. Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư, dự thảo Trình ban hành Thông tư, lập bảng đối chiếu, thuyết minh về dự thảo Thông tư với Nghị định số 155/2025/NĐ-CP và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung; gửi hồ sơ dự thảo Thông tư lấy ý kiến các đơn vị thuộc Bộ (Công văn số 880/KHTC ngày 12/6/2026 gửi Văn phòng Bộ, Vụ Giáo dục Đại học, Vụ Pháp chế, Cục Khoa học công nghệ và thông tin, Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục). Đến nay, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý của 04/05 đơn vị (Vụ Giáo dục Đại học, Vụ Pháp chế, Cục Khoa học công nghệ và thông tin, Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục); Văn phòng Bộ chưa có ý kiến phản hồi. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Vụ Kế hoạch – Tài chính đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Thông tư.

2. Xin ý kiến Lãnh đạo Bộ, đăng tải hồ sơ dự thảo Thông tư lên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo và gửi công văn xin ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ sở giáo dục đại học.

3. Tiếp thu ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư.

4. Tổ chức thẩm định dự thảo Thông tư (lập Hồ sơ gửi Vụ Pháp chế thẩm định).

5. Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, hoàn thiện dự thảo Thông tư.

6. Trình xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

7. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư, trình Bộ trưởng ký ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN DỰ THẢO THÔNG TƯ

1. Về bố cục của dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 8 Điều và 01 Phụ lục, cụ thể:

- Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng): Quy định các vấn đề chung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Thông tư trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

- Điều 2 (Giải thích từ ngữ): Làm rõ các thuật ngữ sử dụng trong Thông tư, gồm công trình sự nghiệp, diện tích làm việc, diện tích sử dụng chung, diện tích sàn theo kích thước thông thủy, quy mô học sinh, sinh viên quy đổi và hệ số K.

- Điều 3 (Căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức diện tích): Quy định các căn cứ để xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp, gồm quy mô đào tạo, chuyên ngành đào tạo, số lượng vị trí việc làm và nguyên tắc xử lý trường hợp một cá nhân đảm nhiệm nhiều chức danh hoặc cơ sở đào tạo có nhiều cơ sở, phân hiệu.

- Điều 4 (Tiêu chuẩn, định mức, phương pháp tính toán xác định diện tích công trình sự nghiệp): Quy định cụ thể phương pháp tính toán diện tích đối với từng hạng mục công trình sự nghiệp (hội trường, giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, thư viện, ký túc xá, khu hoạt động thể chất, diện tích làm việc của giảng viên và người lao động, phòng chờ giảng viên, khu dịch vụ tổng hợp, trạm y tế, nhà để xe, nhà vệ sinh).

- Điều 5 (Diện tích sử dụng chung của cơ sở đào tạo): Quy định các hạng mục thuộc diện tích sử dụng chung và mức trần diện tích sử dụng chung theo tỷ lệ dẫn chiếu tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

- Điều 6 (Tổ chức thực hiện): Quy định thẩm quyền xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức của cơ sở đào tạo; trách nhiệm rà soát; công khai tiêu chuẩn, định mức; báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

- Điều 7 (Xử lý chuyển tiếp): Quy định việc xử lý chuyển tiếp đối với dự án đầu tư xây dựng, tiêu chuẩn, định mức đã ban hành theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT, diện tích công trình sự nghiệp hiện đang quản lý, sử dụng và trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia tách cơ sở đào tạo.

- Điều 8 (Hiệu lực và trách nhiệm thi hành): Quy định hiệu lực thi hành của Thông tư, thời điểm hết hiệu lực thi hành của Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT và trách nhiệm thi hành.

- Phụ lục (Định mức diện tích - hệ số K): Quy định hệ số K áp dụng cho từng hạng mục công trình sự nghiệp, trong đó bổ sung hệ số K cho 04 lĩnh vực đào tạo mới (Trí tuệ nhân tạo/Khoa học dữ liệu/An ninh mạng, Bán dẫn/Vi mạch/Thiết kế chip, Năng lượng tái tạo, Logistics và chuỗi cung ứng).

2. Nội dung cơ bản dự thảo Thông tư

- Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, làm căn cứ để lập kế hoạch, dự toán

ngân sách, giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Đối tượng áp dụng: Thông tư áp dụng đối với đại học, học viện, trường đại học, viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp sư phạm; các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo quy định tại Thông tư này bao gồm: phòng học, giảng đường; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng/trại thực hành, kho mẫu vật, khu xử lý kỹ thuật chuyên ngành; thư viện, trung tâm học liệu; phòng làm việc của giảng viên và người lao động; khu hoạt động thể chất; ký túc xá; khu dịch vụ tổng hợp; trạm y tế; nhà để xe; phòng chờ cho giảng viên và các hạng mục phục vụ đào tạo khác theo quy định tại Thông tư này.

- Về phương pháp xác định diện tích, Thông tư quy định công thức tính toán cụ thể đối với từng hạng mục công trình sự nghiệp (hội trường, giảng đường, phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, thư viện, ký túc xá, diện tích làm việc của giảng viên và người lao động, phòng chờ giảng viên, khu dịch vụ tổng hợp), trên cơ sở kế thừa phương pháp tính toán và hệ số K của Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT, đồng thời bổ sung hệ số K cho 04 lĩnh vực đào tạo mới hình thành nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

- Về diện tích làm việc của giảng viên, Thông tư giữ nguyên các mức diện tích đang áp dụng tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT (Giáo sư 18 m²/người; Phó giáo sư 15 m²/người; giảng viên chính, giảng viên 10 m²/người), đồng thời bổ sung quy định Giáo sư, Phó giáo sư được cộng thêm diện tích làm việc không quá 15% mức quy định để phục vụ nghiên cứu tại chỗ theo quy định mới tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

- Về diện tích sử dụng chung, Thông tư không quy định mức trần cụ thể mà dẫn chiếu tỷ lệ phần trăm tối đa theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung), bảo đảm nguyên tắc Thông tư không phải sửa đổi khi Nghị định có điều chỉnh.

- Về tổ chức thực hiện, Thông tư quy định thẩm quyền xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức của cơ sở đào tạo công lập thuộc bộ, cơ quan trung ương; cơ sở đào tạo công lập thuộc địa phương; cơ sở đào tạo công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (bao gồm mô hình đại học hai cấp); trách nhiệm rà soát định kỳ, công khai và báo cáo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức.

- Về xử lý chuyển tiếp, Thông tư quy định nguyên tắc xử lý đối với dự án đầu tư đã và chưa được quyết định đầu tư trước ngày Thông tư có hiệu lực; tiêu chuẩn, định mức đã ban hành theo Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT; diện tích đang quản lý, sử dụng trong phạm vi và vượt tiêu chuẩn, định mức; trường hợp

sáp nhập, hợp nhất, chia tách cơ sở đào tạo, trên cơ sở dẫn chiếu các quy định tương ứng tại Nghị định số 155/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành

Dự thảo Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không đặt ra yêu cầu hoặc làm phát sinh bộ máy mới hoặc tăng số lượng người làm việc để bảo đảm thực hiện sau khi Thông tư được ban hành. Việc thực hiện Thông tư được bảo đảm bằng nguồn nhân lực và bộ máy tổ chức hiện có của các cơ sở đào tạo.

Thông tư quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo được tổ chức thực hiện bằng nguồn nhân lực và bộ máy tổ chức hiện có của các cơ sở đào tạo, nên không làm tăng kinh phí tổ chức thực hiện, không làm phát sinh thủ tục hành chính. Do vậy, việc thực hiện các quy định trong dự thảo Thông tư là hoàn toàn khả thi.

2. Thời gian ban hành

Thời hạn ban hành Thông tư theo Quyết định số 3636/QĐ-BGDĐT là tháng 11/2026. Vụ Kế hoạch – Tài chính phấn đấu hoàn thành việc xây dựng, trình ban hành Thông tư trước thời hạn quy định.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Thông tư, Vụ Kế hoạch – Tài chính kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định ./.

(Xin trình kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Bảng đối chiếu, thuyết minh nội dung dự thảo Thông tư; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và bản chụp các ý kiến góp ý; (4) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế).

CHUYÊN VIÊN

PHÓ VỤ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

Dương Tuấn Khanh

Đinh Minh Tùng

Trương Anh Dũng